

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TP TN  
TỈNH TN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/DS-ST  
Ngày: 30-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
góp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Trọng Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Bùi Phước Hòa.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN tham gia phiên toà:**  
Bà Trần Thị Tâm Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 435 đường BL, khu phố NT3, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bà Lê Thị H1 có mặt; bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2022, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H1 trình bày:*

Bà Lê Thị H1 có tham gia hụi của bà Nguyễn Thị H làm chủ thảo. Sau khi bà Nguyễn Thị H bị kết án 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số: 22/2022/HSST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TN và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 433/2022/HSPT-QĐ ngày 24-6-2022

của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Lê Thị H1 số tiền 3.900.000 đồng. Bà Lê Thị H1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền hội 49.000.000 đồng và bà Lê Thị H1 không yêu cầu tính lãi.

*Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà H1 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H thừa nhận bà Lê Thị H1 có tham gia loại hội 5.000.000 đồng/tháng khai ngày 15-01-2019 AI, có 20 phần hội. Bà Lê Thị H1 đã hót hội số tiền hơn 60.000.000 đồng và con bà Lê Thị H1 đã hót chân hội còn lại. Hót hai tháng liền kề nhau. Bà Nguyễn Thị H không đồng ý trả số tiền 49.000.000 đồng cho bà Lê Thị H1. Ngoài ra bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nào khác.

*- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền 49.000.000 đồng. Ghi nhận bà Lê Thị H1 không yêu cầu tính lãi; giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hội 49.000.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hội được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền hội gốc còn nợ 49.000.000 đồng, thấy rằng:

Bà Lê Thị H1 cung cấp giấy ghi hội có ghi thông tin về hội; biên bản lấy lời khai ngày 02-4-2021; ngày 16-4-2021; ngày 19-5-2021 của bà Lê Thị H1 tại

Cơ quan điều tra Công an tỉnh TN, thể hiện bà Lê Thị H1 tham gia góp hội đối với dây hội ngày 15-01-2019 AL (10-02-2019 DL), loại hội 5.000.000 đồng, đã góp hội đến tháng 3-2020 AL (tháng 4-2020DL) đã góp được 14 kỳ, cụ thể: Kỳ thứ nhất góp số tiền 4.000.000 đồng, 13 kỳ còn lại góp số tiền 3.900.000 đồng/kỳ, tổng số tiền mà bà Lê Thị H1 đã góp hội là 54.700.000 đồng. Bà Lê Thị H1 cung cấp sổ viết tay do bà Nguyễn Thị H ghi thể hiện tham gia 2 chân trong dây hội này và đã hót một phần hội, đã đóng (góp) hội chết xong, chân thứ hai chưa đăng hội cho bà Lê Thị H1. Như vậy có cơ sở xác định đây là loại hội có lỗi theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 25-02-2019 của Chính phủ; Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[4] Căn cứ vào lời khai của bà Lê Thị H1, bà Nguyễn Thị H và sổ hội, danh sách do cơ quan điều tra công an tỉnh TN lập: Bà Nguyễn Thị H khai: “bà đánh dấu “x” vào phía sau tên của hội viên để theo dõi việc hội viên đóng tiền hội; còn đánh dấu “0” vào phía sau tên của hội viên để theo dõi việc hội viên hót hội”. Do đó, đối chiếu với tờ giấy ca rô ghi nội dung Hội 05 triệu 15-1-2019 AL (BL 31) thì bà Lê Thị H1 đã hót 01 phần hội, còn lại 01 phần hội chưa hót: Bà Lê Thị H1 đã góp được số tiền 54.700.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08-9-2022 (BL 30), bà Nguyễn Thị H xác định bà Lê Thị H1 (Cô Út) có chơi hội 02 phần, bà Lê Thị H1 hót 01 phần và con bà Lê Thị H1 hót 01 phần, hót 02 phần liền nhau. Bà Nguyễn Thị H đã đăng hội xong, bà Lê Thị H1 đã đóng lại hội chết xong, nên bà Nguyễn Thị H không đồng ý trả cho bà Lê Thị H1 số tiền 54.700.000 đồng vì bà Nguyễn Thị H đã đăng hội rồi, nên không đăng hội nữa nhưng bà Nguyễn Thị H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc bà đã đăng 01 phần hội cho con của bà Lê Thị H1, nên không có cơ sở xác định lời trình bày của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ và hợp pháp

Mặt khác, bà Nguyễn Thị H khai, khi đăng hội bà Nguyễn Thị H không ghi ra giấy hội, không nhớ đăng bao nhiêu người chơi, bao nhiêu tiền, không nhớ thời gian và địa điểm đăng hội. Bà Nguyễn Thị H đã đăng hội nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, hợp pháp, chứng minh bà Nguyễn Thị H khai đăng hội cho bà Lê Thị H1 là không có thật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H1.

[5] Cách tính hội như sau: 54.700.000 đồng – 3.900.000 đồng (bản án hình sự sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Lê Thị H1 số tiền chiếm đoạt) = 50.800.000 đồng.

Bà Lê Thị H1 khởi kiện số tiền 49.000.000 đồng là phù hợp với số tiền đã được trừ ra, bà không khởi kiện bổ sung vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ các nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị H1 yêu cầu bà H thanh toán (trả) số tiền nợ hội gốc 49.000.000 đồng. Ghi nhận bà Lê Thị H1 không yêu cầu tính lãi.

[6] Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN

buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán (trả) cho bà Lê Thị H1 số tiền 49.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.450.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 4; điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1 đối với bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Lê Thị H1 số tiền nợ hội là 49.000.000 (Bốn mươi chín triệu) đồng. Ghi nhận bà Lê Thị H1 không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị H1 số tiền tạm ứng án phí 1.225.000 (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001280 ngày 18-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự tp TN.

2.2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.450.000 (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt, có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Trần Trọng Nghĩa**